

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HSST

Ngày: 25/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Sỹ Chiến.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: **28/2017/HSST** ngày 14 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Lò Văn Tr- sinh năm 1990. Tại huyện T, tỉnh L.

Nơi ĐKKHKT: Bản C7, xã B, huyện P, tỉnh L.

Chỗ ở hiện nay: Bản B, xã Bản B, huyện T, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Thái; Con ông: Lò Văn S- sinh năm 1972; Con bà: Lò Thị P- sinh năm 1973; Vợ là Tòng Thị N- (Đã ly hôn năm 2014) và có 1 con sinh năm 2011 hiện ở với mẹ ; Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 17/2014/HSST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn Tr 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2013. Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Hà Văn P- sinh năm 1953.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh L. Có mặt.

Những người làm chứng: Ông Lù Văn H- sinh năm 1970.

Bà Lò Thị L- sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh L. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo

Ngày 15/12/2016, Lò Văn Tr vào nhà anh Lò Văn H- sinh năm 1970 và chị Lò Thị L- sinh năm 1971 cùng trú tại bản N xã T huyện T chơi, ăn cơm uống rượu với gia đình nhà anh H, trong bữa ăn Lò Văn Tr có nói đến việc mình đã từng đi tù về tội trộm cắp tài sản.

Đến chiều ngày 16/12/2016, lợi dụng lúc mọi người trong bản N đi dự đám cưới, Tr đi theo đường mòn đến nhà ông Hà Văn P sinh năm 1953 trú tại bản N xã T huyện T, quan sát xung quanh không có người qua lại, nhà ông P đóng cửa nên Tr đi lên cầu thang mở cửa đi vào trong nhà quan sát thấy một chiếc ti vi nhãn hiệu TCL, 32 inch màn hình phẳng màu đen được để trên tủ kệ làm bằng gỗ, phần đế chân ti vi được buộc cố định bằng dây kim loại vào tủ kệ, Tr dùng tay cởi dây kim loại nhưng không được nên Tr đi xuống khu vực bếp lấy một con dao chặt dài khoảng 30cm mang lên cắt nhưng vẫn không làm đứt dây kim loại, Tr tiếp tục đi xuống khu vực bếp tìm và lấy được một chiếc kìm lên, sau đó dùng kìm cắt đứt sợi dây kim loại, Tr rút dây cắm ti vi và đầu thu tín hiệu màu xám rồi ôm chiếc ti vi và đầu thu theo người rồi chạy theo đường đồi chè giấu và đợi gia đình anh H đi đám cưới về, mục đích mang vào nhà anh H là để cất giấu chờ cơ hội bán.

Ngày 16/12/2016 gia đình ông Hà Văn P phát hiện bị mất chiếc ti vi nhãn hiệu TLC 32inch màu đen và 01 chiếc đầu thu tín hiệu vệ tinh, nên đã làm đơn trình báo lên Công an huyện T.

Ngày 17/12/2017, chị Lò Thị L đã đến Công an huyện T để trình báo việc Lò Văn Tr- sinh năm 1990 có đến gửi chiếc ti vi giống như chiếc ti vi nhà ông Hà Văn P bị mất. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Cơ quan Công an huyện T đã lập biên bản tạm giữ chiếc ti vi tại nhà chị Lò Thị L, còn chiếc đầu thu tín hiệu truyền hình vệ tinh Cơ quan Điều tra đã lập biên bản về việc không tìm thấy vật chứng.

b) Về các vấn đề khác của vụ án

Ngày 28 tháng 5 năm 2017 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã bắt tạm giam Lò Văn Tr về hành vi trộm cắp tài sản. Tại Cơ quan điều tra Lò Văn Tr đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 19/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc ti vi nhãn hiệu TCL, màu đen, loại 32 inch đã qua sử dụng giá trị còn lại là 4.680.000đ và 01 đầu thu tín hiệu truyền hình vệ tinh do Trung Quốc sản xuất giá trị còn lại là 600.000đ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 5.280.000đ (năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 04 tháng 01 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc Chiếc ti vi nhãn hiệu TCL 32 inch cho ông Hà Văn P.

Tại phiên Tòa bị cáo có ý kiến về việc chiếc đầu thu kỹ thuật số tại sao không tìm thấy mà lại có giá là 600.000đ. Hội đồng xét xử đã giải thích cho bị cáo biết trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không thấy và bị cáo không có ý kiến gì thêm.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát

Bị cáo Lò Văn Tr bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh L truy tố tại bản cáo trạng số 20/KSĐT-SH, ngày 14/8/2017 cụ thể:

Truy tố Lò Văn Tr về tội: “Trộm cắp tài sản”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33. Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lò Văn Tr từ 18 đến 24 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bị hại ông Hà Văn P đề nghị Lò Văn Tr phải bồi thường số tiền 600.000 đồng do Tr trộm cắp 01 chiếc đầu thu tín hiệu truyền hình vệ tinh do Trung Quốc sản xuất.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị hại, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Lò Văn Tr đã có hành vi trộm cắp chiếc ti vi nhãn hiệu TCL, màu đen, loại 32 inch giá trị còn lại là 4.680.000đ và 01 đầu thu tín hiệu truyền hình do Trung Quốc sản xuất giá trị còn lại là 600.000đ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 5.280.000đ (năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Như vậy hành vi trộm cắp tài sản của Lò Văn Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy. Tại bản án số 17/2014/HSST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 (phạm tội nhiều lần), Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn Tr 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2013, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp án phí HSST. Như vậy bị cáo chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g

khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu, nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Nhưng cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tự cải tạo bản thân thành công dân tốt và cũng để đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại chiếc ti vi, còn chiếc đầu thu tín hiệu vệ tinh do không tìm thấy nên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 600.000đ, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 BLDS, Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000đ cho ông Hà Văn P.

Đối với Lò Văn H theo lời khai của Lò Văn Tr, khi ăn cơm hai người có bàn bạc việc trộm cắp tài sản nhà ông P. Cơ quan điều tra đã đấu tranh lấy lời khai và tại phiên Tòa Lò Văn H vẫn không thừa nhận, ngoài lời khai duy nhất của Tr không còn chứng cứ nào khác, do đó không đủ căn cứ để xử lý đối với Lò Văn H với vai trò đồng phạm nên cơ quan Điều tra không khởi tố là phù hợp.

Đối với chị Lò Thị L sau khi biết tài sản do Lò Văn Tr trộm cắp gửi nhà mình, chị L đã đi trình báo cơ quan Điều tra và giao nộp tài sản nên không bị khởi tố về tội “Chứa chấp tài sản do phạm tội mà có” là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lò Văn Tr** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

a) Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn Tr 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2017.

b) Về trách nhiệm Dân sự: Áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 BLDS, Điều 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo Lò Văn Tr phải bồi thường cho ông Hà Văn P số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng chẵn).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

c) Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Văn Tr phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm và 150.000đ án phí DS có giá ngạch.

d) Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bị hại. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- VKS huyện; (2)
- Công an, trại giam; (2)
- THA dân sự; (1)
- THAHS; (1)
- Bị cáo; Bị hại; (2)
- Lưu hồ sơ – TA. (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Bình